

BÁO CÁO

Công khai thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý I năm 2020

Thực hiện Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, khóa IX, kỳ họp thứ 14 về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương năm 2020 và Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, khóa IX, kỳ họp thứ 14 về phân bổ ngân sách địa phương năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2679/QĐ-UBND ngày 09/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, cụ thể như sau:

- Dự toán thu NSNN trên địa bàn 10.000 tỷ đồng.
- + Thu nội địa..... 9.250 tỷ đồng.
- + Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu 750 tỷ đồng.
- Dự toán thu ngân sách địa phương (NSĐP)10.977,2 tỷ đồng.
- + Thu cân đối NSĐP 10.029 tỷ đồng.
- + Thu NSTW bổ sung CTMTQG, CTMT, nhiệm vụ: 948,2 tỷ đồng.
- Dự toán chi ngân sách địa phương11.123,5 tỷ đồng.
- + Chi cân đối NSĐP:10.175,3 tỷ đồng.
- + Chi các CTMTQG, CTMT, nhiệm vụ:948,2 tỷ đồng.

Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo công khai thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý I năm 2020 như sau:

I. Về thu NSNN

Ước thực hiện thu NSNN trên địa bàn 2.818,8 tỷ đồng, đạt 28,2% dự toán, giảm 3,9% so cùng kỳ, gồm:

1. Phân theo nguồn thu

- Thu nội địa 2.658,9 tỷ đồng, đạt 28,7% dự toán, tăng 14,4% so cùng kỳ.
- Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu 159,9 tỷ đồng, đạt 21,3% dự toán, giảm 73,7% so cùng kỳ.

2. Phân theo khối tỉnh, huyện, thị xã, thành phố (Tính riêng thu nội địa)

- Khối Tỉnh: 2.023,8 tỷ đồng, đạt 30,2% so dự toán.

- Khối Huyện: 635,1 tỷ đồng, đạt 25% so dự toán, trong đó: Có 03 huyện (Dương Minh Châu, Gò Dầu và Tân Biên) và Thành phố Tây Ninh đạt trên 25% so dự toán; 02 thị xã (Hòa Thành và Trảng Bàng) và 03 huyện (Châu Thành, Bến Cầu và Tân Châu) đạt dưới 25% so dự toán, trong đó có huyện Bến Cầu đạt thấp: 13,7% so với dự toán.

II. Về chi NSDP

Ước thực hiện chi ngân sách địa phương: 2.652,7 tỷ đồng, đạt 23,8% dự toán, tăng 35,1% so cùng kỳ, trong đó:

1. Phân theo nhiệm vụ chi

- Chi cân đối NSDP: 2.203,9 tỷ đồng, đạt 21,7% so dự toán, tăng 34,8% so cùng kỳ, trong đó:

+ Chi đầu tư phát triển: 1.002,4 tỷ đồng, đạt 30,4% dự toán, tăng 36,4% so cùng kỳ;

+ Chi thường xuyên: 1.192,0 tỷ đồng, đạt 20% dự toán, tăng 33% so cùng kỳ;

- Chi các CTMTQG, CTMT, nhiệm vụ: 448,8 tỷ đồng, đạt 47,3% dự toán, tăng 36,4% cùng kỳ.

2. Phân theo khối tỉnh, huyện-thành phố

- Khối Tỉnh: 1.487,4 tỷ đồng, đạt 22,0% dự toán;

- Khối Huyện: 1.165,3 tỷ đồng, đạt 26,6% dự toán.

III. Cân đối thu, chi NSDP

1. Tổng thu NSDP4.435,8 tỷ đồng.

- Thu NSDP hưởng 100% và thu điều tiết 2.544,9 tỷ đồng.

- Thu bổ sung từ NSTW 653,4 tỷ đồng.

- Thu chuyển nguồn..... 1.237,5 tỷ đồng.

2. Tổng chi NSDP.....2.692,6 tỷ đồng.

- Chi cân đối Ngân sách địa phương 2.203,9 tỷ đồng.

- Chi các CTMTQG, CTMT, nhiệm vụ 448,8 tỷ đồng.

- Chi tạm ứng ngân sách 39,9 tỷ đồng.

3. Tồn quỹ NSDP (1-2) 1.743,2 tỷ đồng.

- Ngân sách tỉnh..... 786,1 tỷ đồng.

- Ngân sách huyện, xã 957,1 tỷ đồng.

V. ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đạt được

a) Về thu ngân sách

Công tác thu ngân sách được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời từ các cấp uỷ Đảng, chính quyền và sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ban, ngành tỉnh với các huyện, thị xã, thành phố; công tác phối hợp, quản lý, khai thác nguồn thu đảm bảo theo dự toán.

Có 6/16 khoản thu đạt từ 25% trở lên so với dự toán, cụ thể như sau: Thu từ DN có vốn ĐTNN đạt 33,8% so dự toán, tăng 62,6% so cùng kỳ; Thu từ khu vực ngoài quốc doanh đạt 27,9% so dự toán, tăng 13,5% so cùng kỳ; Thuế Thu nhập cá nhân đạt 29,9% so dự toán, tăng 23% so cùng kỳ; Thu tiền sử dụng đất đạt 52,6% so dự toán, tăng 168,2% so cùng kỳ; Các khoản thu tại xã đạt 25,7% so dự toán, giảm 91,4% so cùng kỳ; Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết đạt 46,8% so dự toán, tăng 0,3% so cùng kỳ.

b) Về chi ngân sách

Chi ngân sách địa phương đạt 23,4% so dự toán, thấp so tiến độ dự toán (thấp hơn 25% dự toán) nhưng các nhiệm vụ chi ngân sách đảm bảo theo đúng dự toán được giao, thực hiện kiểm soát chi chặt chẽ theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ nhà nước quy định; trong đó: chi thường xuyên đã đảm bảo các nhu cầu chi theo chủ trương của tỉnh về thăm hỏi các đối tượng chính sách vào dịp Tết Nguyên đán Canh Tý, chi đảm bảo an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, chi trả tiền lương và các nhiệm vụ đột xuất khác. Trong đó: Chi đầu tư phát triển từ nguồn cân đối đạt 30,4% so dự toán, nguyên nhân đạt cao chủ yếu do phần lớn có số giải ngân tạm ứng XDCB từ nguồn năm 2019 chuyển sang; chi thường xuyên, có một số khoản chi đạt và vượt so với tiến độ dự toán như: Chi sự nghiệp thủy lợi 53,1% dự toán, tăng 1.904,6% so cùng kỳ do cấp kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo quy định; Chi đảm bảo xã hội đạt 40,9% so dự toán, tăng 13,6% so cùng kỳ chủ yếu do chi hỗ trợ tiền Tết Canh Tý năm 2020 phát sinh vào đầu năm.

Chi các CTMTQG, CTMT, nhiệm vụ đạt 47,3% so dự toán, tăng 36,4% so cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu là do có chi từ nguồn tạm ứng vốn đầu tư phát triển năm 2019 chuyển nguồn sang năm 2020.

2. Những khó khăn

a) Về thu ngân sách: Mặc dù tổng thu ngân sách nhà nước đạt khá nhưng vẫn còn 10/16 khoản thu đạt dưới 25% so với dự toán, cụ thể:

- Thu từ DN có vốn ĐTNN đạt 17,3% so dự toán, giảm 41,9% so cùng kỳ, trong đó: Thu từ DN có vốn ĐTNN trung ương đạt 18% so dự toán, giảm 38,9% so cùng kỳ, nguyên nhân giảm thu là do: Công ty CP Xi măng Fico Tây Ninh chuyển sang DN có vốn ĐTNN; Thu từ DN có vốn ĐTNN địa phương đạt 14,7% so dự toán, giảm 52,9% so cùng kỳ, nguyên nhân giảm thu là do Công ty CP Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Tây Ninh và Công ty CP Cấp treo Núi Bà Tây Ninh chuyển sang loại hình DN NQD.

- Lệ phí trước bạ đạt 18,3% so dự toán, giảm 9,3 so cùng kỳ; Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đạt 12,2% so dự toán, giảm 18% so cùng kỳ; Thuế bảo vệ môi trường đạt 23,6% so dự toán, tăng 3,3% so cùng kỳ; Phí và lệ phí đạt 20,5% so dự toán, giảm 4,2% so cùng kỳ; Thu tiền thuê đất đạt 7,2% so dự toán, tăng 662,8% so cùng kỳ; Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đạt 17,4% so dự toán, giảm 71,5% so cùng kỳ; Thu khác ngân sách đạt 17,7% so dự toán, tăng 10,1% so cùng kỳ; Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế đạt 0% so dự toán; Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 21,3% so dự toán, giảm 73,7% so cùng kỳ.

b) Về chi ngân sách

- Chi đầu tư phát triển theo kế hoạch vốn năm 2020 đạt thấp so tiến độ dự toán (16,32%), nguyên nhân chủ yếu là do: Tiến độ triển khai của các dự án còn chậm nên khối lượng thực hiện chưa nhiều; nhiều dự án khởi công mới vẫn trong giai đoạn đấu thầu, chưa khởi công xây dựng; công tác giải ngân các dự án chuyển tiếp còn chậm.

- Chi thường xuyên, ngoài 02 lĩnh vực đạt cao so dự toán là sự nghiệp thủy lợi và đảm bảo xã hội thì các lĩnh vực còn lại chưa đạt tiến độ dự toán, trong đó: sự nghiệp kinh tế đạt 15,8%; sự nghiệp giáo dục và đào tạo 20,5%; sự nghiệp y tế 15,6%; sự nghiệp văn hóa 21,2%; sự nghiệp phát thanh truyền hình 12%; sự nghiệp thể dục thể thao 14,5%; sự nghiệp KHCN 10,6%; chi khác 10,2%. Nguyên nhân chủ yếu là do: Một số nhiệm vụ chi phải triển khai thực hiện theo trình tự thời gian quy định (công tác kiểm tra, phúc tra, lấy mẫu, công tác tiêm phòng,...) như: Đề tài khoa học “Trồng cây Đinh Lăng dưới tán rừng”, “Phòng bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản,... những tháng đầu năm tổ chức, triển khai thực hiện, chưa nghiệm thu nên chưa tiến hành giải ngân; ngoài ra còn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 (lĩnh vực giáo dục, đào tạo tạm thời cho học sinh nghỉ học).

(Kèm biểu mẫu số 59, 60, 61/CK-NSNN)

Trên đây là Báo cáo công khai thuyết minh tình hình ước thực hiện dự toán ngân sách địa phương quý I năm 2020./.

Nơi nhận: *lg*

- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm CBTH (Đăng Công thông tin điện tử tỉnh TN);
- Sở Tài chính (Đăng Công thông tin điện tử STC);
- LĐVP;
- Phòng KTTC;
- Lưu: VT. VP.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đương Văn Thắng

(Dương Thảo 2020 4. BC)

086



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số: 409/BC-UBND ngày 4/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I/2020	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	10.000.000	4.056.299	40,6%	138,3%
I	Thu cân đối NSNN	10.000.000	2.818.779	28,2%	96,1%
1	Thu nội địa	9.250.000	2.658.846	28,7%	114,4%
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	750.000	159.933	21,3%	26,3%
4	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		1.237.520		
B	TỔNG CHI NSDP	11.123.500	2.652.655	23,8%	135,1%
I	Chi cân đối NSDP	10.175.508	2.203.878	21,7%	134,8%
1	Chi đầu tư phát triển	3.293.720	1.002.358	30,4%	136,4%
2	Chi thường xuyên	5.952.978	1.192.020	20,0%	133,0%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.420		0,0%	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000		0,0%	
5	Dự phòng ngân sách	200.580		0,0%	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	948.192	448.777	47,3%	136,4%
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP				
D	CHI TRẢ NỢ GỐC	0	0	0,0%	

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số: *NC/BC-UBND* ngày *14/4/2020* của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I/2020	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	10.000.000	2.818.779	28,2%	96,1%
I	Thu nội địa	9.250.000	2.658.846	28,7%	114,4%
1	Thu từ khu vực DNNN	531.000	92.002	17,3%	58,1%
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	851.000	287.787	33,8%	162,6%
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.850.000	516.037	27,9%	113,5%
4	Thuế thu nhập cá nhân	900.000	269.277	29,9%	123,0%
5	Thuế bảo vệ môi trường	670.000	158.246	23,6%	103,3%
6	Lệ phí trước bạ	440.000	80.583	18,3%	90,7%
7	Thu phí, lệ phí	570.000	116.987	20,5%	95,8%
8	Các khoản thu về nhà, đất	1.440.000	289.838	20,1%	316,5%
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>				
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	13.000	1.587	12,2%	82,0%
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	408.000	214.471	52,6%	268,2%
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	1.019.000	73.780	7,2%	762,8%
-	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>				
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	30.000	5.209	17,4%	28,5%
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	5.000	0	0,0%	0,0%
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.700.000	796.113	46,8%	100,3%
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	2.000	513	25,7%	8,6%
13	Thu khác ngân sách	261.000	46.254	17,7%	110,1%
II	Thu từ dầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	750.000	159.933	21,3%	26,3%


ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2020
(Kèm theo Báo cáo số: 109/BC-UBND ngày 14/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ I/2020	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
	TỔNG CHI NSDP	11.123.500	2.652.655	23,8%	135,1%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	10.175.508	2.203.878	21,7%	134,8%
I	Chi đầu tư phát triển	3.293.720	1.002.358	30,4%	136,4%
1	Chi đầu tư cho các dự án	3.212.120	1.000.468	31,1%	136,1%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác	81.600	1.890	2,3%	
II	Chi thường xuyên	5.952.978	1.192.020	20,0%	133,0%
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.372.831	485.707	20,5%	120,8%
2	Chi khoa học và công nghệ	37.750	4.007	10,6%	190,2%
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	480.250	74.880	15,6%	172,6%
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	95.690	20.291	21,2%	96,1%
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	45.360	5.464	12,0%	165,6%
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	34.960	5.052	14,5%	136,6%
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	144.490	12.579	8,7%	408,3%
8	Chi sự nghiệp kinh tế	911.800	144.265	15,8%	407,0%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.116.839	231.061	20,7%	111,0%
10	Chi bảo đảm xã hội	308.760	126.201	40,9%	113,6%
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.420		0,0%	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000		0,0%	
V	Dự phòng ngân sách	200.580		0,0%	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	948.192	448.777	47,3%	136,4%
I	Chương trình mục tiêu quốc gia	230.370	29.953	13,0%	3537,2%
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	717.822	418.823	58,3%	127,6%
1	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	554.350	398.297	71,8%	131,0%
2	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	163.472	20.527	12,6%	84,9%